

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Q
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1226/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 31/12/2019

V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Đông

2. Bà Hoàng Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hạnh - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đức Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1004/ 2019/ TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Đào Trúc L, sinh năm: 1991 (có mặt)

Địa chỉ: 350/1 Tây S, P.Q, Tp. Q, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Phạm Văn V, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: 174/15 Hai Bà T, P.T, Tp.Q, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Đào Trúc L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn V đăng ký kết hôn số 25 ngày 19/4/2012 tại UBND phường T, Tp. Q, tỉnh B, tự nguyện có tình nguyện thời gian 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chị hạnh phúc bình thường đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V ham chơi không có trách nhiệm với gia đình. Đến năm 2015 khi sinh cháu thứ hai thì anh V ham chơi

nhiều hơn, nhiều lần cha mẹ hai bên khuyên bảo nhưng anh V không nghe. Chị đã hai lần làm đơn ly hôn nhưng rồi lại rút đơn vì chị cho anh V có cơ hội sửa chữa. Nhưng sau khi rút đơn về thì tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Vợ chồng đã tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai.

Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nữa. Chị cương quyết xin ly hôn anh V để ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là: Phạm Ngọc Bảo C, sinh ngày: 16/8/2012 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày: 22/03/2015. Sức khỏe các cháu bình thường, hiện nay hai cháu đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại bản khai ngày 29/10/2019 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn V trình bày: Thống nhất về thời gian, điều kiện kết hôn như chị đã khai. Anh và chị Nguyễn Đào Trúc L đăng ký kết hôn số 25 ngày 19/4/2012 tại UBND phường T, Tp. Q, tỉnh B, tự nguyện có tìm hiểu thời gian 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ chị L hạnh phúc bình thường đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp nhau về cách sống, lối sống, nhiều lúc anh đi làm có vui chơi với bạn bè về nhà chị L không đồng ý nên từ đó vợ chồng mâu thuẫn nhau và đã tự sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nhiều lần chị L làm đơn xin ly hôn rồi lại rút đơn nhưng không cho anh cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn lạnh nhạt với anh. Từ tháng 8/2019 anh bỏ về nhà cha mẹ anh ở cho đến nay. Nay anh vẫn còn thương yêu chị L nhưng chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 02 con chung là: Phạm Ngọc Bảo C, sinh ngày: 16/8/2012 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày: 22/03/2015. Sức khỏe các cháu bình thường, hiện nay hai cháu đang ở với chị L. Khi ly hôn anh xin nuôi 01 cháu nhưng cháu nào cũng được do Tòa án quyết định và anh đồng ý cấp dưỡng cho chị L nuôi cháu còn lại hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự giải quyết, không yêu cầu Tòa giải quyết.

+ Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

-Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Đào Trúc L và anh Phạm Văn V.

-Về nuôi con chung:

+ Giao con chung: Phạm Ngọc Bảo C, sinh ngày: 16/8/2012 cho chị Nguyễn Đào Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao con chung: Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày: 22/03/2015 cho anh Phạm Văn V trực tiếp nuôi dưỡng

+ Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Tòa không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Đào Trúc L và anh Phạm Văn V đăng ký kết hôn số 25 ngày 19/4/2012 tại UBND phường T, Tp. Q là hôn nhân hợp pháp. Nay chị L xin ly hôn anh V là do trong cuộc sống vợ chồng quan điểm sống không hợp nhau, anh V ham chơi không có trách nhiệm với vợ con. Từ năm 2017 vợ chồng đã tự sống ly thân đến nay không ai quan tâm, chăm sóc đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn anh V. Còn bị đơn anh V cho rằng anh vẫn còn thương yêu vợ con nhưng chị L cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên đương sự phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX công nhận.

[2] Về con chung: Chị L và anh V thống nhất có 02 con chung là: Phạm Ngọc Bảo C, sinh ngày: 16/8/2012 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày: 22/03/2015. Sức khỏe các cháu bình thường. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Tòa chị L xin được nuôi hai con chung và yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đồng. Còn anh V xin nuôi 01 con chung và anh đồng ý cấp dưỡng cho chị L nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đồng.

Xét thấy: Hiện nay hai con chung đang ở ổn định với chị L và ăn học bình thường. Cháu C có nguyện vọng muốn ở với chị L. Riêng cháu T còn nhỏ dưới 07 tuổi phải cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ và hai cháu đã quen với điều kiện, môi trường sống và được nuôi dưỡng, chăm sóc của chị L từ nhỏ. Nếu tách hai cháu và giao cháu T cho anh V nuôi dưỡng sẽ gây xáo trộn, ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của các cháu. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu C và T. Do đó yêu cầu nuôi hai con chung của chị L là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị L yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mỗi tháng 3.000.000đồng và được anh V đồng ý là phù hợp với quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX công nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị L và anh V không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Đào Trúc L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Phạm Văn V phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về nội dung vụ án phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Đào Trúc L và anh Phạm Văn V.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung là: Phạm Ngọc Bảo C, sinh ngày: 16/8/2012 và Phạm Ngọc Bảo T, sinh ngày: 22/03/2015 cho chị Nguyễn Đào Trúc L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Anh Phạm Văn V có nghĩa vụ đóng góp nuôi con với chị Nguyễn Đào Trúc L số tiền là 3.000.000đồng/tháng (Ba triệu đồng một tháng). Thời gian cấp dưỡng: Từ tháng 12/2019 trở đi cho đến khi cháu C và cháu T thành niên (đủ 18 tuổi).

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên đều có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung, không bên nào được ngăn cản..

3. Về tài sản chung: Chị L và anh V không yêu cầu nên Tòa không giải quyết.

4. Về án phí:

- Chị Nguyễn Đào Trúc L phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí theo biên lai số 0002157 ngày 23/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Q. Chị L đã nộp đủ án phí.

- Anh Phạm Văn V phải nộp 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDTP.Q;
- UBND P.T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương